

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÓA DẦU VP

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÓA
DẦU VP
DN: C=VN, L=HẢI PHÒNG, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN
TẢI HÓA DẦU VP, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:
0200809454, E=THAONT14@VIETTEL.COM.VN
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2025-03-12 10:46:11
Foxit PhantomPDF Version: 9.7.1

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG	3
1. Thông tin khái quát	3
Quá trình hình thành và phát triển :	3
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	4
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	4
4. Định hướng phát triển	7
5. Các rủi ro	7
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	8
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	8
2. Tổ chức và nhân sự	8
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	10
4. Tình hình tài chính	11
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	11
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:	12
III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	14
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	14
2. Tình hình tài chính	14
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	15
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	16
5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	17
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty	17
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	18
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	18
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty	18
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	18
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY	19
1. Hội đồng quản trị	19
2. Ban Kiểm soát (BKS)	20
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Giám đốc Công ty	21
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	22



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HOÁ DẦU VP

Địa chỉ : P 5.09 Taiyo Tower, 97 Bạch Đằng, Thượng Lý, Hồng Bàng, HP

Điện thoại : +84 225 3730011 Fax : +84 225 3730012 Email : vpcom@vnn.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÓA DẦU VP

Năm báo cáo : 2024

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

Tên giao dịch : CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HOÁ DẦU VP	
Giấy Chứng nhận ĐKDN	Số 0200809454 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố : Hải Phòng cấp lại lần thứ tám ngày 03/02/2025;
Vốn điều lệ	150.761.770.000đ;
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	150.761.770.000đ;
Địa chỉ trụ sở chính	: P. 5.09, Taiyo Tower, 97 Bạch Đằng, Thượng Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng;
Số điện thoại	(84-225) 3730011;
Số fax	: (84-225) 3730012;
Email	Vpcom@vnn.vn ;
Website	: www.vptrans.vn ;
Mã cổ phiếu	: VPA.

Quá trình hình thành và phát triển :

- Ngày 26/12/2007 : Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam (nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam - Petrolimex) đã phê duyệt phương án thành lập Công ty cổ phần vận tải Hóa dầu VP do Công ty cổ phần Hóa dầu Petrolimex (nay là Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP) và Công ty cổ phần vận tải Xăng dầu VIPCO đồng đề xuất;
- Ngày 16/3/2008 : Công ty cổ phần vận tải Hoá dầu VP đã chính thức được thành lập tại Đại hội cổ đông sáng lập;
- Ngày 23/4/2008 : Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải phòng cấp giấy phép ĐKKD số 0203004237; đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 18/05/2020 với mã số doanh nghiệp là 0200809454;

- Năm 2009, Công ty đã ký hợp đồng tài trợ vốn với Ngân hàng PGBank và Ngân hàng Indovinabank để tài trợ vốn cho dự án đầu tư đóng mới 02 tàu chở nhựa đường lỏng trọng tải 2800 DWT. Đến ngày 15/08/2012 Công ty đã nhận bàn giao tàu chở nhựa đường lỏng VP ASPHALT 1 từ nhà máy đóng tàu Hồng Hà. Ngày 21/09/2012 tàu VP ASPHALT 1 bắt đầu thực hiện chuyến hàng đầu tiên chở nhựa đường lỏng từ Mailiao về Hải Phòng. Tháng 3/2013, Công ty tiếp tục nhận bàn giao tàu VP ASPHALT 2.

- Ngày 31/12/2015 : Công ty được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty trên sàn giao dịch UPCOM với mã cổ phiếu là VPA. Ngày 27/01/2016 là ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu VPA trên sàn giao dịch UPCOM.

Đến nay, Công ty đã hoạt động được hơn 10 năm và đã tạo được thương hiệu của mình trên thị trường vận tải nhựa đường lỏng trong nước và khu vực Đông Nam Á, Nam Á.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

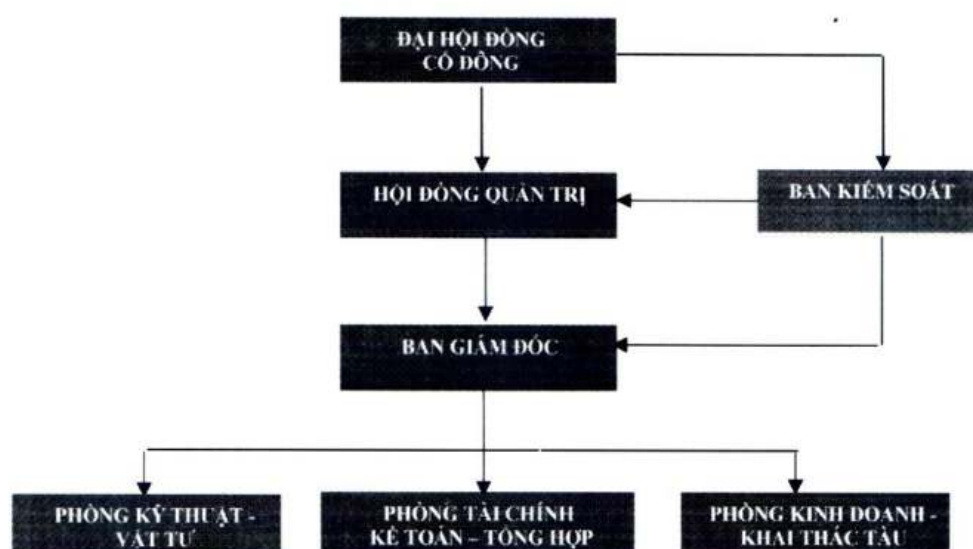
- **Ngành nghề kinh doanh :** Vận tải nhựa đường lỏng ven biển và viễn dương.

- **Địa bàn kinh doanh :** Các tuyến vận tải đường biển khu vực Đông và Đông Nam Á.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a. Mô hình quản trị

Sơ đồ 1 : Mô hình quản trị



Công ty cổ phần vận tải Hóa dầu VP đang áp dụng mô hình tổ chức và quản trị, điều hành của công ty cổ phần. Mô hình được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển kinh

doanh của Công ty, tuân thủ theo các quy định của Pháp luật Việt Nam và các quy định tại Điều lệ Công ty.

❖ **Đại Hội đồng Cổ đông** : Là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty;

❖ **Hội đồng quản trị** : Do ĐHĐCĐ bầu ra, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT giữ vai trò định hướng chiến lược, kế hoạch hoạt động hàng năm sau khi được ĐHĐCĐ thông qua; chỉ đạo và giám sát hoạt động của Công ty thông qua Ban Điều hành. Số lượng thành viên HĐQT là 05 (năm) người, nhiệm kỳ của HĐQT là 05 (năm) năm. Quyền hạn và nhiệm vụ chính của HĐQT :

- Quyết định kế hoạch phát triển SXKD và ngân sách hàng năm;
- Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được ĐHĐCĐ thông qua;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, các quy chế quản lý nội bộ Công ty;
- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ,...

❖ **Ban Kiểm soát** : Do ĐHĐCĐ bầu ra, thực hiện giám sát HĐQT, Ban Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong thực hiện các nhiệm vụ được giao. Số lượng thành viên BKS của Công ty là ba (03) thành viên. Các Kiểm soát viên không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. BKS phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Các Kiểm soát viên không phải là người có liên quan với các thành viên HĐQT, GĐĐH và các CBQL khác của Công ty. BKS phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng BKS là người có chuyên môn về kế toán. BKS có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 170 Luật, Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ Công ty, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây :

- Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan trình ĐHĐCĐ thông qua;
- Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
- Xin ý kiến tư vấn kiểm toán độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết;

- Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu (06) tháng và quý;
- Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của GĐĐH;
- Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của GĐĐH.

❖ **Ban Giám đốc :**

Ban giám đốc Công ty có 1 Giám đốc.

Giám đốc điều hành các công việc của Công ty; tổ chức thực hiện các nghị quyết của HĐQT, chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty; Nhiệm kỳ của Giám đốc là 05 (năm) năm, có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế;

b. Cơ cấu bộ máy quản lý

Bộ máy quản lý điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hết sức gọn nhẹ, bao gồm giám đốc, 01 Phòng Tài chính - Kế toán - Tổng hợp, 01 Phòng Kinh doanh - Khai thác tàu và 01 Phòng Kỹ thuật - Vật tư. Trong đó, chức năng nhiệm vụ của từng phòng như sau :

❖ **Phòng Tài chính - Kế toán tổng hợp :**

- Tài chính kế toán : Có chức năng lập kế hoạch sử dụng và quản lý nguồn tài chính của Công ty, phân tích các hoạt động kinh tế, tổ chức công tác hạch toán kế toán theo đúng chế độ kế toán thống kê và chế độ quản lý tài chính của Nhà nước;
- Tổng hợp : Có chức năng xây dựng phương án kiện toàn bộ máy tổ chức trong Công ty, quản lý nhân sự, thực hiện công tác hành chính quản trị.

❖ **Phòng Kỹ thuật - Vật tư :**

- Đầu tư, quản lý kỹ thuật - vật tư, hệ thống quản lý chất lượng, quản lý an toàn của đội tàu. Đảm bảo an toàn hành hải cho đội tàu và các thủy thủ đoàn; thực hiện các thủ tục pháp chế và bảo hiểm cho tàu.

❖ **Phòng Kinh doanh - Khai thác tàu:**

- Quản lý khai thác tàu, lập kế hoạch, theo dõi thị trường, khai thác nguồn hàng để vận chuyển, điều động tàu.

Các phòng ban chịu sự quản lý và điều hành trực tiếp từ Giám đốc để thực hiện các công việc, hoạt động của Công ty.

c. Các công ty con, công ty liên kết :

(Công ty không có công ty con và công ty liên kết)

4. Định hướng phát triển

a. Mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Xây dựng được đội tàu vận tải hóa dầu trong nước và quốc tế, đưa Công ty cổ phần vận tải Hóa dầu VP trở thành một thương hiệu mạnh trong ngành vận tải biển;
- Trở thành nhà môi giới mua bán tàu biển uy tín trên thị trường mua bán tàu biển trong nước và khu vực.

b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Từ năm 2023-2027 : Khai thác đội tàu sẵn có và tiếp tục tìm kiếm cơ hội để đầu tư mới những tàu chở nhựa đường tiếp theo, đồng thời mở rộng sang lĩnh vực thuê định hạn, môi giới và mua bán tàu biển.

c. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng

- Công ty đã và đang thực hiện nghiêm túc các quy định pháp luật về công tác an toàn vệ sinh lao động (ATVSLĐ), an toàn giao thông, nâng cao hiệu quả công tác ATVSLĐ và xây dựng tác phong lao động trong doanh nghiệp. Duy trì và phát triển phong trào “Xanh, sạch, đẹp, đảm bảo ATVSLĐ”. Phấn đấu không để xảy ra tai nạn lao động, giảm thiểu các bệnh nghề nghiệp, hạn chế tối đa xảy ra các sự cố an ninh hàng hải;
- Tích cực phối hợp cùng với Công đoàn, Đoàn Thanh niên và các tổ chức đoàn thể, xã hội khác của Công ty cổ phần vận tải Xăng dầu VIPCO tham gia các hoạt động xã hội, nhân đạo, từ thiện, phong trào đền ơn, đáp nghĩa, xóa đói giảm nghèo, ủng hộ đồng bào bị thiên tai, ủng hộ Quỹ “Mái ấm công đoàn”, chăm lo giúp đỡ CBCNV, sỹ quan, thuyền viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn;
- Tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, nâng cao đời sống vật chất, văn hóa tinh thần cho CBCNV Công ty, chào mừng các ngày lễ lớn của đất nước...

5. Các rủi ro

- Hoạt động vận tải biển chịu rất nhiều tác động từ môi trường kinh tế vĩ mô và các biến động chính trị trên thế giới. Những tranh chấp trên biển Đông cũng ảnh hưởng không nhỏ

tới ngành vận tải biển nói chung và tuyến vận tải biển của Công ty cổ phần vận tải Hóa dầu VP nói riêng;

- Rủi ro từ những yếu tố thiên nhiên như thảm họa động đất, sóng thần...;
- Rủi ro từ những yếu tố do con người gây ra như chiến tranh, cướp biển...;
- Một yếu tố tác động trực tiếp tới hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp vận tải biển là giá nhiên liệu. Chi phí nhiên liệu chiếm 35-45% giá vốn của các doanh nghiệp kinh doanh vận tải biển nói chung và Công ty VP nói riêng. Do đó, chỉ một biến động nhỏ của giá nhiên liệu cũng sẽ tác động mạnh mẽ tới hiệu quả kinh doanh của Công ty.
- Ngoài ra, Công ty còn có khả năng gặp rủi ro về lãi suất vay ngân hàng và chênh lệch tỷ giá hối đoái.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2024, thị trường vận tải nhựa đường vẫn không có dấu hiệu khởi sắc. Đội tàu công ty có đủ hàng để chạy nhưng không có lợi nhuận vì giá cước không tối ưu và điều kiện thời tiết trong khu vực rất khắc nghiệt ảnh hưởng liên tục đến kế hoạch. Trong quý 4.2024, công ty đã thực hiện chờ những chuyến đầu tiên từ cảng Yangpu, Trung Quốc. Tuyến này gần tuy nhiên thời gian chờ đợi tại cảng lấy hàng rất lâu. Nên gần như cũng không có hiệu quả. Ở phía Nam, công ty chỉ có nguồn hàng từ Thái Lan về Việt Nam của công ty nhựa đường Petrolimex, tuy nhiên nguồn hàng này cũng bị cắt giảm đáng kể trong giai đoạn này, hiện tại, công ty chỉ chờ 1-2 chuyến/tháng.

Giá nhiên liệu trung bình trong năm vẫn giữ ở mức cao do ảnh hưởng bởi cuộc chiến tranh Nga – Ukraina

Nhìn chung thị trường năm 2024 rất bất lợi cho công ty vì những lý do khách quan sau:

- Giá nhiên liệu: Chiến tranh Nga – Ukraina đã đẩy giá nhiên liệu lên mức cao nhất trong vòng hơn 1 thập kỷ qua, giá tương đương với giá với dự kiến lập kế hoạch, tuy nhiên các tàu phải chạy những tuyến xa, bất lợi nên chi phí nhiên liệu tăng cao so với dự kiến.
- Cảng phí và các chi phí liên quan: Năm 2024, các chi phí liên quan đến cảng phí cũng tăng lên đáng kể do các yêu cầu về an toàn y tế, kiểm tra, phòng chống bệnh dịch, đồng thời cũng ảnh hưởng trực tiếp đến thời gian chờ đợi tại các cảng tàu ghé đến, đặc biệt là tại Maoming, Trung quốc và các cảng Thái Lan.
- Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tăng do các tàu đã quá 10 tuổi, trang thiết bị đã bước sang giai đoạn phải sửa chữa, thay thế nhiều.
- Biến động tỉ giá: Trong kỳ báo cáo, tỉ giá USD biến động mạnh, ảnh hưởng lớn đến KQ SXKD trong kỳ của công ty.

Đơn vị tính : 1.000 VNĐ

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Tỉ lệ % TH/KH 2024
1	Khối lượng vận chuyển	Tấn	138,000	99,719	72%
2	Số chuyến vận chuyển	Chuyến	58	43	74%
3	Thời gian vận doanh của tàu	Ngày	670		
	+ Tàu VP ASPHALT 1		348		
	+ Tàu VP ASPHALT 2		322		
3	Hoạt động cung cấp dịch vụ vận tải				
3.1	Doanh thu		128,813,905	107,625,582	84%
	+ Doanh thu vận tải Tàu VP 1		64,406,953	56,874,412	88%
	+ Doanh thu vận tải Tàu VP 2		64,406,952	49,700,713	77%
	+ Doanh thu bán hàng và dịch vụ khác			1,050,457	
3.2	Giá vốn dịch vụ vận tải		130,674,329	127,528,864	98%
	+ Chi phí khấu hao tài sản cố định		25,869,876	25,940,753	100%
	+ Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tàu, vật tư phụ		9,425,241	11,688,750	124%
	+ Chi phí bảo hiểm		4,997,593	4,866,480	97%
	+ Chi phí nhiên liệu, dầu nhờn		58,587,901	56,678,985	97%
	+ Chi phí nhân công		15,821,767	14,555,005	92%
	+ Chi phí cảng phí		13,697,555	11,523,439	84%
	+ Chi phí khác		2,274,396	2,275,454	100%
4	Lợi nhuận gộp		(1,860,424)	(19,903,282)	1070%
5	Hoạt động tài chính		(17,364,127)	(26,602,244)	153%
5.1	Doanh thu hoạt động tài chính			9,675,799	
	Lãi tiền gửi, cho vay			2,286	
	Lãi bán ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá hối đoái			9,673,513	
5.2	Chi phí tài chính		17,364,127	36,278,043	209%
	Chi phí lãi vay		12,072,488	12,868,429	107%
	Lỗ Chênh lệch tỷ giá hối đoái		5,291,639	23,409,614	442%
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp		4,431,107	3,912,734	88%
7	Thu nhập khác			438,106	
8	Chi phí khác			167,610	
9	Tổng lợi nhuận trước thuế		(23,655,658)	(50,147,764)	212%

2. Tổ chức và nhân sự

Ban điều hành

- Ông Đỗ Minh Hồng: Giám đốc điều hành;
Trưởng phòng Tài chính - Kế toán – Tổng hợp;
- Bà Vũ Thị Hà.

a. Ông Đỗ Minh Hồng

- Ông Đỗ Minh Hồng sinh ngày 19/11/1980, tốt nghiệp trường Đại học Hàng Hải Việt Nam chuyên ngành vỏ tàu thủy, niên khóa 1999-2004. Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty mà Ông Đỗ Minh Hồng đang nắm giữ là 3.000 cổ phần (tương đương 0.0198% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty).

b. Bà Vũ Thị Hà

- Bà Vũ Thị Hà sinh ngày 10/12/1988, tốt nghiệp Đại học Hàng Hải Việt Nam chuyên ngành Tổ chức và quản lý vận tải. Bà Hà bắt đầu đảm nhiệm vị trí Trưởng phòng tài chính – kế toán – tổng hợp tại Công ty từ ngày 01/09/2024.

Cán bộ nhân viên trong Công ty:

Tổng số lao động trong Công ty đến ngày 31/12/2024 là 07 người bao gồm cả Ban điều hành.

- Phòng Tài chính Kế toán tổng hợp gồm 2 người. 1 trưởng phòng và 1 kế toán viên;
- Phòng Kỹ thuật - Vật tư và Phòng Kinh doanh - Khai thác của Công ty chịu sự điều hành trực tiếp từ Giám đốc Công ty. Phòng Kỹ thuật - Vật tư có một chuyên viên phụ trách và 1 chuyên viên kỹ thuật; Phòng Kinh doanh - Khai thác tàu gồm một trưởng phòng và một chuyên viên;
- Các chính sách đối với người lao động : Dưới sự điều chỉnh của các bộ luật và các Quy chế hoạt động trong Công ty. Người lao động trong Công ty luôn luôn được hưởng chế độ đãi ngộ ưu đãi cao nhất. theo qui định của pháp luật hiện hành và điều kiện của công ty.

3. Tình hình đầu tư. tình hình thực hiện các dự án

- Năm 2024, Công ty vẫn tập trung khai thác 2 tàu chở nhựa đường lỏng VP ASPHALT 1 và VP ASPHALT 2 và chưa có hoạt động đầu tư mở rộng hoặc đầu tư vào lĩnh vực khác.

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Đơn vị tính : VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Chênh lệch giữa năm 2024 và 2023
Tổng giá trị tài sản	315.664.475.392	290.832.998.592	(24.831.476.800)
Doanh thu thuần	149.911.479.983	107.625.581.854	(42.285.898.129)
Lợi nhuận từ hoạt động KD	(15.436.244.733)	(50.418.260.644)	(34.982.015.911)
Lợi nhuận khác	2.216.024.536	270.496.488	(1.945.528.048)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(13.220.220.197)	(50.147.764.156)	(36.927.543.959)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(877)	(3.326)	(2.449)

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú
<u>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán :</u>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,29	0,567	
+ Hệ số thanh toán nhanh	0,77	0,358	
<u>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn :</u>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	1,031	1,209	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	32,82	5,796	
<u>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động :</u>			
+ Vòng quay hàng tồn kho	14,88	12,09	
+ Vòng quay tổng tài sản	0,46	0,355	
<u>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời :</u>			
+ Hệ số LNST/DTT			
+ Hệ số LNST/ VCSH			
+ Hệ số LNST/Tổng tài sản			
+ Hệ số LN từ HĐKD/DTT			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần :

- Tổng số cổ phần : 15.076.177 cổ phần;
- Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông;
- Mệnh giá : 10.000 đồng.
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do : 15.076.177 cổ phần

b. Cơ cấu cổ đông :

Công ty cổ phần vận tải Hoá dầu VP được thành lập dựa trên vốn góp của hai cổ đông lớn là Công ty cổ phần vận tải Xăng dầu VIPCO (VIPCO) và Công ty cổ phần Hoá dầu Petrolimex (PLC) (nay là Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP). cùng với các cổ đông cá nhân khác là các cán bộ công nhân viên của hai Công ty trên. Cơ cấu cổ đông của Công ty bao gồm :

TT	Danh mục	Cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông tổ chức	13.400.000	88.88
	- Cổ đông sở hữu trên 5%	13.400.000	88.88
	- Cổ đông sở hữu dưới 5%	0	0
2	Cổ đông cá nhân	1.676.177	11.12
	- Cổ đông sở hữu trên 5%	0	0
	- Cổ đông sở hữu dưới 5%	1.676.177	11.12
	Tổng cộng	15.076.177	100

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu :

Trong năm 2024 không thay đổi;

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ :

Trong năm 2024 không có giao dịch cổ phiếu quỹ;

e. Các chứng khoán khác :

Công ty không có chứng khoán khác

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu -Tiêu thụ năng lượng

Sản phẩm chính của Công ty là dịch vụ vận tải biển nên nguồn nguyên vật liệu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu là nhiên liệu bao gồm dầu diesel

(DO) và mazút (HFO). Trong năm, cả hai tàu VP ASPHALT 1 và VP ASPHALT 2 khai thác được 43 chuyến hàng, tiêu thụ 773 tấn dầu DO, 2476 tấn dầu HFO. Công ty luôn thực hiện tốt việc sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị máy móc, thay thế các phụ tùng cần thiết trên tàu nhằm tiết giảm tối đa lượng nhiên liệu tiêu thụ, nâng cao hiệu quả kinh doanh đồng thời thể hiện trách nhiệm đối với môi trường và xã hội.

6.3. Tiêu thụ nước

Trong hoạt động quản lý và khai thác tàu, lượng nước tiêu thụ của Công ty chủ yếu phục vụ sinh hoạt hàng ngày của thuyền viên trên hai tàu, không phát sinh nước thải công nghiệp. Việc xả thải sinh hoạt luôn chấp hành đúng quy định của pháp luật Việt Nam và các công ước quốc tế về bảo vệ môi trường

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty luôn thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục ý thức bảo vệ môi trường, xem công tác bảo vệ môi trường là mục tiêu phát triển bền vững của doanh nghiệp. Là doanh nghiệp vận tải biển, hoạt động trên tuyến Quốc tế - Công ty tuân thủ tuyệt đối các qui định về kiểm soát xả thải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường biển của Nhà nước và quốc tế (MARPOL 73/78).

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

Bộ máy làm việc của Công ty rất gọn nhẹ. Tính đến thời điểm 31/12/2024, cả Công ty chỉ có 7 lao động bao gồm 1 thành viên Ban điều hành, 3 Trưởng phòng nghiệp vụ và 3 nhân viên. Người lao động có thu nhập từ tiền lương cố định chi trả hàng tháng và tiền lương theo đơn giá (phụ thuộc vào doanh thu của Công ty). Mức lương trung bình đối với người lao động là 23 triệu đồng/người/tháng.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Năm 2024, mặc dù đã rất nỗ lực trong công tác điều hành, khai thác tàu nhưng kết quả kinh doanh của Công ty vẫn âm nên Công ty chưa thực hiện được nghĩa vụ với ngân sách nhà nước nhưng vẫn đảm bảo được thu nhập cho người lao động của Công ty và đội ngũ thuyền viên làm việc trên các tàu của Công ty. Với nguồn hàng vận chuyển là nhựa đường lỏng, Công ty chỉ có thể nỗ lực trong khâu vận chuyển, hâm hàng và bảo quản đảm bảo đưa được mặt hàng nhựa đường tốt về phục vụ cho công việc xây dựng phát triển cơ sở hạ tầng tại đất nước.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh

Trong năm qua Công ty không tham gia vào thị trường vốn xanh.

III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Phân tích tổng quan về hoạt động của Công ty so với kế hoạch:

Năm 2024 vẫn là năm rất khó khăn với công ty VP, công ty không đạt kế hoạch về doanh thu cũng như sản lượng được giao, chi phí đầu vào tăng, đặc biệt là giá nhiên liệu cộng với biến động tỉ giá rất bất lợi, Công ty đã không hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được HĐQT giao, cụ thể:

- Số chuyến vận tải trong năm đạt: 43 chuyến, đạt 74% so với kế hoạch;
- Doanh thu trong năm đạt: 107,625 tỉ đồng, đạt 84% so với kế hoạch;
- Tổng sản lượng chuyên chở trong năm đạt: 99,719 tấn, đạt 72% so với kế hoạch;
- Lợi nhuận gộp: -19,903 tỉ đồng.

Tình hình kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn và bất lợi với những nguyên nhân khách quan và chủ quan như sau:

Nguồn hàng không ổn định do những biến động về giá nhựa đường thế giới.

Giá nhiên liệu, nguyên liệu đầu vào vẫn tiếp tục tăng cao.

Biến động tỉ giá bất lợi.

Những tiến bộ Công ty đã đạt được

Thành lập từ tháng 3/2008. là một doanh nghiệp hoàn toàn mới và tiếp nhận dự án đóng tàu từ Ban dự án của hai cổ đông sáng lập là VIPCO và PLC. đến nay Công ty đang vận hành với bộ máy quản lý gồm các phòng ban chuyên trách. xây dựng được các quy chế. quy trình hoạt động trong Công ty. Công ty đã hoàn thành đóng mới và đưa vào khai thác 02 tàu chở nhựa đường lỏng. trọng tải 2.800 DWT từ cuối năm 2012 và đầu năm 2013 với chất lượng tốt. được khách hàng (người thuê tàu) trong khu vực Đông Nam Á tín nhiệm và tin dùng.

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

- Tài sản ngắn hạn của Công ty không có nhiều biến động. Công ty không có các khoản nợ phải thu khó đòi, các khách hàng thuê tàu đều thanh toán cước đúng hạn. Hàng tồn kho chiếm tỷ trọng lớn trong tài sản ngắn hạn chủ yếu là nguyên vật liệu bao gồm nhiên liệu tồn vào thời điểm cuối năm và vật tư phụ tùng phục vụ bảo quản bảo dưỡng trên các tàu.

- Tài sản dài hạn có biến động giảm ở các chỉ tiêu Tài sản cố định hữu hình và Chi phí trả trước dài hạn. Trong đó TSCĐ hữu hình biến động biến động giảm chi tiết như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải
NGUYÊN GIÁ	Tổng cộng	
Tại 01/01/2024	894.265.853	561.422.160.936
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Tại 31/12/2024	894.265.853	561.422.160.936
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUYỄN KẾ	Tổng cộng	
Tại 01/01/2024	894.265.853	277.905.505.569
Tăng trong năm	-	25.940.752.518
Khấu hao trong năm	-	25.940.752.518
Giảm trong năm	-	-
Tại 31/12/2024	894.265.853	303.846.258.087
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	Tổng cộng	
Tại 01/01/2024	-	283.516.655.367
Tại 31/12/2024	-	257.575.902.849

Giá trị còn lại của Tài sản cố định tại ngày 31/12/2024 dùng để đảm bảo cho các khoản tiền vay Ngân hàng là: 257.575.902.849 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 283.516.655.367 đồng).

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 với giá trị là 1.933.575.324 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 1.933.575.324 đồng).

b. Tình hình nợ phải trả

Công nợ phải trả: theo Bảng kê chi tiết dưới đây

Diễn giải	ĐVT	Số dư cuối kỳ tại ngày 31/12/2024	Số dư đầu kỳ tại ngày 01/01/2024
Dư nợ của Ngân hàng (Vay vốn đầu tư dự án):	VND	286.118.711.092	275.275.913.940
Dư nợ vay vốn lưu động:	VND		
Dư nợ các Nhà cung cấp	VND	12.673.872.056	9.690.370.038

Khoản vay dài hạn: Số dư nợ khoản vay dài hạn theo Hợp đồng số 06/2010/VP/HĐTDDH ngày 09/09/2010 (vay vốn đầu tư 02 tàu VP ASPHALT 1 và VPASPHALT 2) tại thời điểm 01/01/2024 là: 275.275.913.940 đồng; và tại thời điểm 31/12/2024 là: 286.118.711.092 đồng.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Năm 2024, Công ty không có thay đổi về cơ cấu tổ chức nhân sự, chính sách và quản lý.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

a. Triển vọng

Việc đầu tư xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng, đặc biệt là mạng lưới giao thông đường bộ là một trong những khâu then chốt gắn liền với sự phát triển kinh tế xã hội của mỗi quốc gia, Khu vực Nam Á và Đông Nam Á được đánh giá là thị trường năng động, đang phát triển và có tỷ lệ tăng trưởng trung bình hàng năm khá cao. Các nước có hệ thống giao thông đường bộ chưa hoàn thiện như Việt Nam, Philippines, Campuchia, Lào, Myanmar, Indonesia... sẽ còn phải tiếp tục hoàn thiện và sẽ nhập khẩu nhựa đường từ các quốc gia có ngành công nghiệp chưng cất dầu mỏ (sản xuất được nhựa đường) như Singapore, Malaysia, Thái Lan, Đài Loan... Nhu cầu sử dụng nhựa đường hàng năm cũng luôn tồn tại cả với các quốc gia đã có hệ thống cơ sở hạ tầng hoàn thiện nhằm mục đích duy tu, bảo dưỡng. Do vậy, luôn luôn tồn tại nhu cầu vận chuyển sản phẩm này giữa các vùng miền, lãnh thổ, thậm chí ngay cả đối với các quốc gia sản xuất được nhựa đường nhưng có vùng lãnh thổ rộng lớn như Trung Quốc, Indonesia.

Hiện nay, các kho bể chứa nhựa đường lỏng phát triển nhanh chóng cả về quy mô lẫn số lượng nên những con tàu trọng tải lớn sẽ có nhiều lợi thế vận chuyển do có giá cước cạnh tranh. Đây là cơ sở để công ty nghiên cứu, đánh giá thị trường – lựa chọn qui mô đầu tư phát triển trong tương lai.

b. Kế hoạch trong tương lai

- Với mục tiêu là Nhà vận tải nhựa đường lỏng chuyên nghiệp, kết hợp với phát triển ngành nghề môi giới và mua bán tàu biển; với kinh nghiệm có được từ thực tế khai thác hai con tàu VP ASPHALT 1 và VP ASPHALT 2 từ 2013, Công ty có thể tiếp tục đầu tư các loại tàu mới đáp ứng đủ nhu cầu vận chuyển cho các công ty nhập khẩu nhựa đường, hóa chất, sản phẩm hóa dầu trong nước và mở rộng thị trường vận tải nhựa đường ra khu vực Đông Nam Á, Nam Á;

- Kế hoạch giai đoạn 2021-2025: Trên cơ sở đội tàu hiện có kết hợp với nghiên cứu thị trường tàu trong khu vực, Công ty sẽ nghiên cứu để triển khai đầu tư tàu chở nhựa đường với trọng tải lớn hơn (từ 4.000 DWT-5.000 DWT) đồng thời phát triển dịch vụ thuê định hạn, môi giới, logistic và mua bán tàu biển.

5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán An Việt đã đưa ra ý kiến chấp thuận toàn phần đối với Báo cáo tài chính của Công ty.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường :

Với ý thức bảo vệ môi trường, Công ty luôn chấp hành nghiêm túc các qui định pháp luật liên quan, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Công ty đã triển khai áp dụng nhiều giải pháp trong đó tập trung vào Đội tàu chở nhựa đường như :

- Thường xuyên kiểm tra tình trạng kỹ thuật tàu, tiến hành bảo trì bảo dưỡng và thay thế các thiết bị đúng thời hạn được khuyến cáo nhằm đảm bảo vận chuyển hàng hóa tuyệt đối an toàn, tiết giảm tối đa lượng nhiên liệu tiêu thụ và hạn chế xả thải ra môi trường;
- Tuân thủ tuyệt đối các quy định của Công ước quốc tế (MARPOL) và chính quyền các cảng mà tàu neo/đậu về ngăn ngừa ô nhiễm môi trường biển do tàu gây ra.

Với các giải pháp được triển khai, Công ty đã góp một phần giảm thiểu tác động đến môi trường.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động :

Công ty hoạt động với bộ máy quản lý điều hành rất gọn nhẹ. Ban giám đốc vẫn đánh giá rất cao những nỗ lực của tập thể người lao động trong Công ty. Các Cán bộ nhân viên đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, luôn đoàn kết và hỗ trợ lẫn nhau trong Công việc. Ban giám đốc kỳ vọng kết quả kinh doanh sẽ khả quan hơn vào những năm tiếp theo để thu nhập của người lao động được tốt hơn, xứng đáng với công sức và tâm huyết người lao động đã đặt vào Công ty.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Tham gia đầy đủ với trách nhiệm cao và hoàn thành tốt mọi hoạt động đoàn thể, xã hội như phòng trào Đền ơn đáp nghĩa, Xóa đói giảm nghèo, đóng góp ủng hộ các địa phương chịu ảnh hưởng của thiên tai, các đợt sinh hoạt văn nghệ, thể thao quần chúng thông qua tổ chức Đoàn thanh niên và Công đoàn công ty VIPCO.

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Công ty luôn xác định và đặt nhiệm vụ phát triển bền vững lên hàng đầu. Công ty luôn tuân thủ chuẩn mực về bảo vệ môi trường, bình đẳng giới, an toàn lao động, quyền lợi lao động, trả lương công bằng và

đúng hạn, đào tạo và phát triển nhân viên, phát triển cộng đồng, bảo đảm chất lượng dịch vụ vận tải.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2024, Công ty không đạt các chỉ tiêu SXKD được giao do quá nhiều những yếu tố bất lợi khách quan như chiến tranh, giá nhiên liệu, biến động tỉ giá. Hoạt động chủ yếu của Công ty là khai thác 2 tàu vận tải nhựa đường lòng, trong quá trình khai thác Công ty luôn đảm bảo tuân thủ các quy định về đảm bảo môi trường biển, đảm bảo an toàn cho thuyền viên. Năm 2024, Công ty lỗ 50,147 tỉ đồng.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và những quy chế, quy định đã ban hành, HĐQT thực hiện chức năng giám sát bộ máy quản lý và điều hành Công ty một cách thường xuyên, liên tục thông qua việc quan sát, kiểm tra thực hiện nhiệm vụ SXKD của Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ đúng pháp luật, triển khai thực hiện theo đúng các Nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông.

Ngoài các cuộc họp định kỳ hàng quý, HĐQT đã tổ chức họp bất thường và thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản để đưa ra những định hướng, các giải pháp phù hợp và kịp thời để chỉ đạo thực hiện hoạt động SXKD.

Kết quả giám sát đối với Giám đốc điều hành như sau:

+ Giám đốc điều hành đã thực hiện đúng chức năng và nhiệm vụ được ghi trong Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty và đã thực hiện theo các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đề ra.

+ Đối với các cán bộ quản lý các Phòng đều thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ được phân công.

+ Năm 2024, tình hình kinh tế tiếp tục gặp nhiều khó khăn, dù Giám đốc điều hành cùng các Cán bộ quản lý đã rất nỗ lực trong việc điều hành SXKD nhưng Công ty vẫn không đạt được tiến độ kế hoạch HĐQT giao.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Nghiên cứu đề xuất với các cổ đông phương án cơ cấu lại trọng tài của đội tàu hiện nay theo hướng phù hợp với sự tăng trưởng về sản lượng và khả năng tiếp nhận của các kho bãi đầu mối trên thị trường. Tiếp tục nghiên cứu, chọn thời điểm phù hợp để triển

khai dự án đầu tư tàu chở nhựa đường lỏng trọng tải đến 5.000 DWT; Tìm đối tác góp vốn đầu tư và triển khai các công việc nhằm đầu tư phát triển Công ty;

- Nắm bắt kịp thời tình hình kinh tế, những chính sách kinh tế vĩ mô của Chính phủ Việt Nam và các nước trong khu vực để điều chỉnh, bổ sung kịp thời công tác quản lý, điều hành;
- Quan tâm, bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho cổ đông, quyền lợi và thu nhập chính đáng của người lao động trong Công ty;
- Tuân thủ và hoạt động theo Điều lệ, qui chế quản trị Công ty, đồng thời tiếp tục rà soát Điều lệ, các qui chế quản lý để đề xuất sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với luật pháp và các qui định của nhà nước.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

HDQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc về ĐHCĐ.

Thông tin về Các thành viên Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Nguyễn Hữu Thành	Chủ tịch HĐQT	23/06/2023	
2	Ông Phan Quang Phú	Thành viên HĐQT không điều hành	23/06/2023	
3	Ông Phạm Thế Long	Thành viên HĐQT không điều hành	23/06/2023	
4	Ông Đinh Việt Hải	Thành viên HĐQT không điều hành	23/06/2023	
5	Ông Đỗ Minh Hồng	Thành viên HĐQT tham gia điều hành	23/06/2023	

b. Hoạt động của Hội đồng quản trị

❖ Tổ chức Đại hội cổ đông thường niên

Năm 2024, Hội đồng quản trị (HDQT) đã ra quyết định triệu tập Đại hội cổ đông thường niên vào ngày 20/06/2024 theo phương thức đại hội trực tuyến. Đại hội đã được tổ chức thành công, HDQT đã báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 đã thông qua các nội

dung thường niên, thông qua kết quả SXKD năm 2023 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty.

❖ **Hội đồng quản trị**

Trong năm 2024, HĐQT Công ty VP đã tổ chức 03 cuộc họp với sự tham gia đầy đủ của các thành viên HĐQT và BKS Công ty. Các cuộc họp của HĐQT đã tập trung giải quyết các vấn đề liên quan đến chỉ đạo tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2024, xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch năm 2024 theo phê duyệt của ĐHĐCĐ; chỉ đạo triển khai các biện pháp cắt giảm lỗ, lập các phương án tháo gỡ khó khăn của Công ty VP trong giai đoạn hiện tại...

Ngoài các phiên họp HĐQT trên, HĐQT đã thông qua các quyết định theo phương thức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để lựa chọn Công ty TNHH kiểm toán An Việt là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024; lựa chọn công ty TNHH kiểm toán An Việt thực hiện kiểm toán BCTC kết thúc ngày 31/12/2024

HĐQT cũng đã chỉ đạo, quản lý giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc thực thi các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT trong năm 2024.

2. Ban Kiểm soát (BKS)

BKS là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ, do ĐHĐCĐ bầu ra, BKS hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc. BKS có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty. Hiện tại, BKS của Công ty gồm 03 thành viên do ĐHĐCĐ bầu ra. Nhiệm kỳ của BKS là 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

❖ **Các thành viên Ban Kiểm soát:**

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Số cổ phần	Tỷ lệ cổ phần
1	Bà Trần Thị Kim Tuyến	Trưởng Ban	23/06/2023		
2	Bà Phan Thị Thu Hương	Ủy viên	23/06/2023		
3	Ông Nguyễn Đức Nhật	Ủy viên	23/06/2023	1.520	0.01



Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2024

Trong năm 2024, Ban kiểm soát đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên triển khai kiểm tra giám sát các mặt hoạt động của Công ty với những nội dung sau:

- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, giám sát việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Giám đốc theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty; xem xét tính phù hợp các quyết định của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc trong công tác quản lý;
- Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ công ty;
- Kiểm soát Báo cáo tài chính: Giám sát Ban điều hành trong việc thực hiện công tác tài chính; kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính quý, 6 tháng, năm đảm bảo tính trung thực và chính xác trong việc ghi chép, cập nhật chứng từ, sổ sách kế toán; kiểm tra các hợp đồng kinh tế, hợp đồng lao động.... của Công ty; kiểm soát chi phí, doanh thu, thẩm định báo cáo tài chính trên cơ sở Báo cáo kiểm toán độc lập trình Đại hội cổ đông thường niên.
- Giám sát việc thực thi công bố thông tin của Công ty theo các quy định của Luật chứng khoán, xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.
- Thực hiện nhiệm vụ giám sát, Ban kiểm soát đã tham dự họp tất cả các cuộc họp HĐQT, kiểm tra các văn bản nội bộ của HĐQT, Giám đốc ban hành trong quá trình quản trị Công ty nhằm đảm bảo việc xây dựng các định hướng và chủ trương điều hành Công ty tuân thủ pháp luật và phù hợp với chủ trương của Đại hội cổ đông. Trong các cuộc họp, Ban kiểm soát tham gia ý kiến đóng góp với những nội dung về công tác SXKD, công tác đầu tư và một số công tác khác của Công ty.
- Làm việc với ban điều hành Công ty về nội dung kiểm tra, kiểm soát tình hình thực hiện các quy trình, quy định hiện hành và việc thực hiện các kiến nghị của đợt kiểm tra trước.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Giám đốc Công ty

Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

- Các thành viên HĐQT và BKS được hưởng thù lao do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Ngoài ra, các thành viên HĐQT và BKS được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại, tiếp khách và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao;

- Các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát được khen thưởng về những thành tích đóng góp của mình cho sự phát triển của Công ty;
- Trong năm 2024, Công ty chưa chi trả giá trị còn lại của quyết toán thù lao HĐQT và BKS năm 2022 và toàn bộ thù lao HĐQT, BKS năm 2023 .
- Lương, thưởng của TV HĐQT kiêm Giám đốc Công ty năm 2024 là 521.500.000 đ.

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Không có

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Không có

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(đính kèm báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán)

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÓA DẦU VP
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**



GIÁM ĐỐC CÔNG TY
Đỗ Minh Hồng



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI HÓA DẦU VP

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Tháng 3 năm 2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Hữu Thành	Chủ tịch
Ông Phan Quang Phú	Thành viên
Ông Đinh Việt Hải	Thành viên
Ông Đỗ Minh Hồng	Thành viên
Ông Phạm Thế Long	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Đỗ Minh Hồng	Giám đốc
------------------	----------

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Đỗ Minh Hồng

Giám đốc

Hải Phòng, ngày 03 tháng 3 năm 2025

Số: 20/2025/KT-AV3-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 03/3/2025, từ trang 06 đến trang 26, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số 31 trong phần thuyết minh báo cáo tài chính về khoản lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2024 là hơn 200 tỷ đồng (vượt quá vốn góp của chủ sở hữu gần 61 tỷ đồng) và tại ngày 31/12/2024, số dư nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn xấp xỉ 22 tỷ đồng. Thông tin này cùng những điều kiện khác được nêu tại thuyết minh số 31 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo kiểm toán độc lập được dịch sang tiếng Anh từ bản báo cáo bằng ngôn ngữ tiếng Việt được phát hành tại Việt Nam.



Vũ Hoài Nam
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
1436-2023-055-1
Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
Hải Phòng, ngày 03 tháng 3 năm 2025

Nguyễn Thị Thoa
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
5264-2025-055-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B01 - DN
Đơn vị tính: VND
01/01/2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		28.816.119.931	26.146.558.605
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.869.007.650	7.283.623.011
1. Tiền	111	5	2.869.007.650	7.283.623.011
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.863.259.962	1.264.803.266
1. Trả trước cho người bán ngắn hạn	131		1.586.505.106	831.129.627
2. Phải thu ngắn hạn khác	132	6.1	9.276.754.856	433.673.639
III. Hàng tồn kho	140		10.648.169.690	10.450.451.316
1. Hàng tồn kho	141	7	10.648.169.690	10.450.451.316
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.435.682.629	7.147.681.012
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8.1	556.112.605	525.682.652
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.874.370.672	6.616.799.008
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	11.2	5.199.352	5.199.352
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		262.016.878.661	289.517.916.787
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		76.500.000	76.500.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	6.2	76.500.000	76.500.000
II. Tài sản cố định	220		257.575.902.849	283.516.655.367
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	257.575.902.849	283.516.655.367
- Nguyên giá	222		562.316.426.789	562.316.426.789
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(304.740.523.940)	(278.799.771.422)
III. Tài sản dài hạn khác	260		4.364.475.812	5.924.761.420
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8.2	4.364.475.812	5.924.761.420
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		290.832.998.592	315.664.475.392

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B01 - DN
Đơn vị tính: VND
01/01/2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		351.479.809.932	325.584.785.154
I. Nợ ngắn hạn	310		50.805.618.319	20.260.724.147
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	10	12.673.872.056	9.690.370.038
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.795.178.133	2.593.186.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11.1	2.100.000	258.012.166
4. Phải trả người lao động	314		285.675.874	520.286.696
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	12.1	7.270.020.172	4.921.197.495
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	13	1.223.490.678	563.290.346
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	14.1	25.551.000.000	1.710.100.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.281.406	4.281.406
II. Nợ dài hạn	330		300.674.191.613	305.324.061.007
1. Chi phí phải trả dài hạn	332	12.2	40.106.480.521	31.758.247.067
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	14.2	260.567.711.092	273.565.813.940
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(60.646.811.340)	(9.920.309.762)
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	(60.646.811.340)	(9.920.309.762)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	15	150.761.770.000	150.761.770.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.761.770.000	150.761.770.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	15	905.029.707	905.029.707
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	15	(212.313.611.047)	(161.587.109.469)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(162.165.846.891)	(148.366.889.272)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(50.147.764.156)	(13.220.220.197)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		290.832.998.592	315.664.475.392

Người lập biểu - Phụ trách kế toán

Vũ Thị Hà

Hải Phòng, ngày 03 tháng 3 năm 2025

Giám đốc

Đỗ Minh Hồng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2024

Mẫu số B02 - DN
Đơn vị tính: VND
Năm 2024
Năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	107.625.581.854	149.911.479.983
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	17	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	17	107.625.581.854	149.911.479.983
4. Giá vốn hàng bán	11	18	127.528.863.642	142.786.247.556
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		(19.903.281.788)	7.125.232.427
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	9.675.798.593	1.709.163.563
7. Chi phí tài chính	22	20	36.278.043.247	19.942.536.201
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		12.868.428.577	9.371.302.756
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	3.912.734.202	4.328.104.522
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-26)	30		(50.418.260.644)	(15.436.244.733)
10. Thu nhập khác	31	22	438.106.229	5.173.341.212
11. Chi phí khác	32	23	167.609.741	2.957.316.676
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		270.496.488	2.216.024.536
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(50.147.764.156)	(13.220.220.197)
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	-	-
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(50.147.764.156)	(13.220.220.197)
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	(3.326)	(915)

Người lập biểu - Phụ trách kế toán

Vũ Thị Hà

Hải Phòng, ngày 03 tháng 3 năm 2025

Giám đốc



Đỗ Minh Hồng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2024

Mẫu số B03 - DN
Đơn vị tính: VND
Năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(50.147.764.156)	(13.220.220.197)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	9	25.940.752.518	25.869.876.145
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		14.285.821.748	9.688.271.350
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	19	(2.285.795)	(1.783.302)
- Chi phí lãi vay	06	20	12.868.428.577	9.371.302.756
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2.944.952.892	31.707.446.752
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(6.856.028.360)	(2.278.496.425)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(197.718.374)	(1.715.527.392)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		4.965.902.559	(16.325.534.026)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.529.855.655	4.030.563.722
- Tiền lãi vay đã trả	14		(4.484.385.000)	(1.718.280.000)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(578.737.422)	(568.517.087)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.676.158.050)	13.131.655.544
II. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	19	2.285.795	1.783.302
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.285.795	1.783.302
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		1.510.000.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.251.530.000)	(6.896.300.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(1.350.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.741.530.000)	(6.897.650.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(4.415.402.255)	6.235.788.846
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	7.283.623.011	1.056.523.559
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		786.894	(8.689.394)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5	2.869.007.650	7.283.623.011

Số thuyết minh được áp dụng cho cột số liệu năm 2024.

Người lập biểu - Phụ trách kế toán

Vũ Thị Hà

Hải Phòng, ngày 03 tháng 3 năm 2025

Giám đốc

Đỗ Minh Hồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP, trụ sở đặt tại phòng 5.09, tòa nhà Taiyo, số 97 Bạch Đằng, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, Hải Phòng. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần lần đầu số 0200809454 ngày 23/4/2008 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ tám ngày 03/02/2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Vốn điều lệ là 150.761.770.000 VND, mệnh giá cổ phần là 10.000 VND.

Số lượng lao động của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 39 người, trong đó số lượng thuyền viên thuê ngoài là 32 người (tại ngày 01/01/2024 là 40 người, trong đó số lượng thuyền viên thuê ngoài là 32 người).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh: dịch vụ vận tải biển.**1.3 Ngành nghề kinh doanh:**

- Môi giới, mua và bán tàu biển;
- Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Dịch vụ đại lý vận tải đường biển.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng.**1.5 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:** không có yếu tố ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty.**1.6 Cấu trúc doanh nghiệp:** Công ty không có các đơn vị trực thuộc, công ty con hoặc công ty liên doanh, liên kết.**1.7 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính:** các thông tin trên báo cáo tài chính có thể so sánh được.**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính được dịch sang tiếng Anh từ bản báo cáo bằng ngôn ngữ tiếng Việt được phát hành tại Việt Nam.

4.2 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại thời điểm báo cáo cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 Chuyển đổi ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang chi phí tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ;
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm (26.978 VND/EUR, 25.551 VND/USD, 19.063 VND/SGD). Đối với các khoản ngoại tệ vay ngân hàng thì tỷ giá khi đánh giá lại là tỷ giá bán của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp đi vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***4.4 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Công ty căn cứ vào thời gian dự kiến thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân từng lần nhập xuất.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là chi phí nhiên liệu của các chuyến vận tải đang thực hiện chưa hoàn thành tại ngày 31/12/2024.

4.6 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, số khấu hao được tính bằng nguyên giá chia (:) cho thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc, thiết bị	đã khấu hao hết
Phương tiện vận tải	06 - 22

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được ghi nhận theo thực tế phát sinh, bao gồm:

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 12 tháng kể từ khi phát sinh;
- Chi phí mua bảo hiểm được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian bảo hiểm của hợp đồng;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn do Công ty không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 36 tháng kể từ khi phát sinh.

Công ty căn cứ vào thời gian phân bổ của từng loại chi phí để phân loại chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn và không thực hiện tái phân loại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Công ty căn cứ vào thời gian dự kiến thanh toán tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo nguyên tắc như trình bày tại thuyết minh số 4.3.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.9 Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính là các khoản đi vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, từng khổ ước vay, theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay và theo nguyên tệ. Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn. Các khoản vay bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo nguyên tắc như trình bày tại thuyết minh số 4.3.

4.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay là lãi tiền vay được ghi nhận vào chi phí kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

4.11 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm: chi phí lãi vay và các chi phí khác đã phát sinh trong năm.

Công ty căn cứ vào thời gian dự kiến thanh toán tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của các khoản lãi vay phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm được trình bày là chi phí phải trả dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm được trình bày là chi phí phải trả ngắn hạn. Các khoản chi phí phải trả bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo nguyên tắc như trình bày tại thuyết minh số 4.3.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm phản ánh vốn góp của cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

Trong năm, Công ty thực hiện trích thủ lao năm 2023 cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 0124/VP-NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/6/2024.

4.13 Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu dịch vụ vận tải biển được ghi nhận khi hoàn tất các thủ tục đưa hàng lên tàu và phát hành hóa đơn vì Công ty xác định thời điểm này là đã thỏa mãn các điều kiện nêu trên.

Doanh thu khác là từ bán thanh lý đường xích neo của tàu, được ghi nhận khi Công ty bàn giao vật tư thanh lý cho người mua.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi và lãi chênh lệch tỷ giá. Cụ thể như sau:

- Tiền lãi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ;
- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ.

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

4.14 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của dịch vụ đã cung cấp trong năm được ghi nhận theo thực tế phát sinh phù hợp với doanh thu.

4.15 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm lãi tiền vay và lỗ chênh lệch tỷ giá. Cụ thể như sau:

- Lãi tiền vay được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở số dư tiền vay và lãi suất vay thực tế từng kỳ;
- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

4.16 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty phát sinh trong năm tài chính, bao gồm: chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; lệ phí môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách...).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

4.17 Thuế

Năm 2024, Công ty không phát sinh thu nhập tính thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành bằng không.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định các loại thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về các loại thuế tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

4.18 Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là tổ chức hoặc cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 13, 15, 29.

5. TIỀN

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền mặt	25.673.953	59.581.508
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.843.333.697	7.224.041.503
Cộng	2.869.007.650	7.283.623.011

6. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024 VND		01/01/2024 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
6.1 Ngắn hạn	9.276.754.856	-	433.673.639	-
Bảo hiểm đền bù	267.342.739	-	267.342.739	-
Tạm ứng	129.989.055	-	96.806.055	-
Phải thu khác	594.777	-	69.524.845	-
Thuế GTGT đề nghị hoàn (*)	8.878.828.285	-	-	-
6.2 Dài hạn	76.500.000	-	76.500.000	-
Ký quỹ, ký cược	76.500.000	-	76.500.000	-

(*) Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu Ngân sách Nhà nước số 5424/VP-CV-GĐ ngày 23/12/2024 và Công ty đã được hoàn thuế theo Quyết định số 85/QĐ-CTHPH/KDT ngày 24/01/2025 của Cục Thuế thành phố Hải Phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***7. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2024		01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	8.560.305.356	-	9.554.875.896	-
Công cụ, dụng cụ	39.130.000	-	29.775.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.048.734.334	-	865.800.420	-
Cộng	10.648.169.690	-	10.450.451.316	-

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
8.1 Ngắn hạn	556.112.605	525.682.652
Chi phí bảo hiểm	543.416.611	518.688.260
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	12.695.994	6.994.392
8.2 Dài hạn	4.364.475.812	5.924.761.420
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	4.364.475.812	5.924.761.420

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị		Đơn vị tính: VND
	Phương tiện vận tải		Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Tại 01/01/2024	894.265.853	561.422.160.936	562.316.426.789
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Tại 31/12/2024	894.265.853	561.422.160.936	562.316.426.789
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUYẾT			
Tại 01/01/2024	894.265.853	277.905.505.569	278.799.771.422
Tăng trong năm	-	25.940.752.518	25.940.752.518
Khấu hao trong năm	-	25.940.752.518	25.940.752.518
Giảm trong năm	-	-	-
Tại 31/12/2024	894.265.853	303.846.258.087	304.740.523.940
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2024	-	283.516.655.367	283.516.655.367
Tại 31/12/2024	-	257.575.902.849	257.575.902.849

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 và tại ngày 01/01/2024 là 1.933.575.324 VND.

Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2024 VND		01/01/2024 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	12.673.872.056	12.673.872.056	9.690.370.038	9.690.370.038
Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải trả	7.126.211.264	7.126.211.264	6.177.859.709	6.177.859.709
Công ty TNHH Hà Thịnh	4.867.676.100	4.867.676.100	4.759.000.000	4.759.000.000
Bunker Marine PTE LTD	2.258.535.164	2.258.535.164	1.418.859.709	1.418.859.709
Phải trả cho các đối tượng khác	5.547.660.792	5.547.660.792	3.512.510.329	3.512.510.329

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2024 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	31/12/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	869.760	869.760	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	2.686.294	2.686.294	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(5.199.352)	-	-	(5.199.352)
Thuế thu nhập cá nhân	3.863.700	72.077.972	75.941.672	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	254.148.466	3.224.965	255.273.431	2.100.000
Cộng	252.812.814	78.858.991	334.771.157	(3.099.352)
Trong đó:				
11.1 Phải nộp	258.012.166			2.100.000
11.2 Phải thu	5.199.352			5.199.352

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
12.1 Ngắn hạn	7.270.020.172	4.921.197.495
Lãi vay	6.132.240.000	4.397.400.000
Các khoản khác	1.137.780.172	523.797.495
12.2 Dài hạn	40.106.480.521	31.758.247.067
Lãi vay	40.106.480.521	31.758.247.067

13. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Ngắn hạn	1.223.490.678	563.290.346
Kinh phí công đoàn	158.098.433	115.957.323
Thù lao HĐQT và BKS	959.037.509	344.300.087
Cổ tức phải trả	92.850.000	92.850.000
Phải trả khác	13.504.736	10.182.936

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND				
14.1 Ngắn hạn	25.551.000.000	1.710.100.000				
Các khoản vay	25.551.000.000	1.710.100.000				
14.2 Dài hạn	260.567.711.092	273.565.813.940				
Các khoản vay	260.567.711.092	273.565.813.940				
a. Các khoản vay			01/01/2024 VND	Trong năm VND		
					31/12/2024 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
Cá nhân	-	-	1.510.000.000	1.510.000.000	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả						
Đồng tài trợ bởi Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển và Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Đồng Đa (*)	1.710.100.000	1.710.100.000	25.551.000.000	1.710.100.000	25.551.000.000	25.551.000.000
Vay dài hạn						
Đồng tài trợ bởi Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển và Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Đồng Đa (*)	273.565.813.940	273.565.813.940	20.386.083.536	33.384.186.384	260.567.711.092	260.567.711.092

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

(*) Hợp đồng tín dụng số 06/2010/VPHTDDH ngày 09/9/2010 và Phụ lục hợp đồng tín dụng số PL24/HDTDDH06/2010 ngày 26/4/2024 và số PL25/HDTDDH06/2010 ngày 26/10/2024:

Mục đích vay	: Thanh toán tiền đóng tàu tại Công ty Hồng Hà, chi phí thiết bị và các chi phí khác liên quan
Số tiền cho vay	: 19.646.604 USD (trong đó: PG Bank là 8.506.604 USD và Indovina Bank là 11.140.000 USD)
Thời hạn vay	: Thanh toán toàn bộ số dư với thời hạn tối đa là cuối quý 3/2032
Lãi suất vay	: Từ 26/3/2022 đến hết ngày 25/4/2022: 4,5%/năm Từ 26/4/2022 đến hết ngày 25/10/2022: 3,2%/năm Từ 26/10/2022 trở đi: theo thỏa thuận giữa 2 bên
Thời hạn trả lãi vay	: Chi tiết theo lịch trả nợ
Tài sản thế chấp	: Tàu chở dầu VP ASPHALT 1 và VP ASPHALT 2
Số dư vay tại 31/12/2024	: 11.197.945,72 USD tương đương 286.118.711.092 VND
Số phải trả trong năm 2025	: 1.000.000,00 USD tương đương 25.551.000.000 VND

b. Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Đơn vị tính: VND Trên 5 năm
Tại 31/12/2024				
Đồng tài trợ bởi Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển và Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Đồng Đa	286.118.711.092	25.551.000.000	113.701.950.000	146.865.761.092
Cộng	286.118.711.092	25.551.000.000	113.701.950.000	146.865.761.092
Tại 01/01/2024				
Đồng tài trợ bởi Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển và Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Đồng Đa	275.275.913.940	1.710.100.000	103.827.500.000	169.738.313.940
Cộng	275.275.913.940	1.710.100.000	103.827.500.000	169.738.313.940

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

Diễn giải	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	150.761.770.000	905.029.707	(147.798.372.185)	3.868.427.522
Tăng trong năm trước	-	-	-	-
Giảm trong năm trước	-	-	13.788.737.284	13.788.737.284
Lỗi trong năm	-	-	13.220.220.197	13.220.220.197
Giảm khác	-	-	568.517.087	568.517.087
Số đầu năm nay	150.761.770.000	905.029.707	(161.587.109.469)	(9.920.309.762)
Tăng trong năm nay	-	-	-	-
Giảm trong năm nay	-	-	50.726.501.578	50.726.501.578
Lỗi trong năm	-	-	50.147.764.156	50.147.764.156
Giảm khác	-	-	578.737.422	578.737.422
Số cuối năm nay	150.761.770.000	905.029.707	(212.313.611.047)	(60.646.811.340)

CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

	Tại 31/12/2024		Tại 01/01/2024	
	Tổng số	Vốn cổ phần thưởng	Tổng số	Vốn cổ phần thưởng
Công ty CP Vận tải Xăng dầu Vipco	68.000.000.000	68.000.000.000	68.000.000.000	68.000.000.000
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex	66.000.000.000	66.000.000.000	66.000.000.000	66.000.000.000
Các cổ đông khác	16.761.770.000	16.761.770.000	16.761.770.000	16.761.770.000
Cộng	150.761.770.000	150.761.770.000	150.761.770.000	150.761.770.000

LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tại 01/01	(161.587.109.469)	(147.798.372.185)
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	50.726.501.578	13.788.737.284
Lỗi trong năm	50.147.764.156	13.220.220.197
Thù lao HĐQT và BKS năm trước	578.737.422	568.517.087
Tại 31/01	(212.313.611.047)	(161.587.109.469)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B09 - DN

CỔ PHIẾU

	31/12/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.076.177	15.076.177
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.076.177	15.076.177
Cổ phiếu phổ thông	15.076.177	15.076.177
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.076.177	15.076.177
Cổ phiếu phổ thông	15.076.177	15.076.177
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

16. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại	31/12/2024	01/01/2024
Đô la Mỹ (USD)	111.788,95	198.999,16

17. DOANH THU

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	107.625.581.854	149.911.479.983
Doanh thu cung cấp dịch vụ	106.575.124.736	149.580.467.326
Doanh thu khác	1.050.457.118	331.012.657
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	107.625.581.854	149.911.479.983

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	127.528.863.642	142.786.247.556
Cộng	127.528.863.642	142.786.247.556

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi	2.285.795	1.783.302
Lãi chênh lệch tỷ giá	9.673.512.798	1.707.380.261
Cộng	9.675.798.593	1.709.163.563

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B09 - DN

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền vay	12.868.428.577	9.371.302.756
Lỗ chênh lệch tỷ giá	23.409.614.670	10.571.233.445
Cộng	36.278.043.247	19.942.536.201

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân viên	2.475.648.036	2.989.222.308
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.437.086.166	1.338.882.214
Cộng	3.912.734.202	4.328.104.522

22. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Bảo hiểm bồi thường	143.226.276	2.623.185.740
Bồi thường ngày tàu chậm trễ	294.879.953	2.550.155.472
Cộng	438.106.229	5.173.341.212

23. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thiệt hại được bảo hiểm bồi thường	143.226.276	2.623.185.740
Phạt vi phạm hành chính và thu hồi hoàn thuế	224.965	254.148.466
Các khoản khác	24.158.500	79.982.470
Cộng	167.609.741	2.957.316.676

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	59.800.371.123	70.207.269.383
Chi phí nhân công	16.861.902.873	17.555.328.542
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.940.752.518	25.869.876.145
Chi phí khác	30.021.505.244	34.260.982.866
Cộng	132.624.531.758	147.893.456.936

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B09 - DN

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán (1)	(50.147.764.156)	(13.220.220.197)
Các khoản điều chỉnh tăng (2)	12.898.528.707	3.691.412.054
Lỗi CLTG đánh giá lại của tiền năm nay	-	8.689.394
Chi phí lãi vay vượt mức quy định	12.866.142.782	3.428.574.194
Chi phí không được trừ khác	32.385.925	254.148.466
Các khoản điều chỉnh giảm (3)	9.476.288	7.302.505
Lỗi CLTG đánh giá lại của tiền năm trước	8.689.394	7.302.505
Lãi CLTG đánh giá lại của tiền năm nay	786.894	-
Tổng lợi nhuận tính thuế (4)=(1)+(2)-(3)	(37.258.711.737)	(9.536.110.648)
Thuế suất thuế TNDN (5)	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp (1)	(50.147.764.156)	(13.220.220.197)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp để xác định lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Các khoản điều chỉnh tăng (2a)	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm (2b)	-	578.737.422
Lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (3=1+2a-2b)	(50.147.764.156)	(13.798.957.619)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (4)	15.076.177	15.076.177
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (5=3/4)	(3.326)	(915)

Khoản điều chỉnh giảm (2b) tại cột số liệu so sánh năm 2023 là thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 0124/VP-NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/6/2024.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2024 có thể thay đổi sau khi đại hội cổ đông năm 2025.

Không có sự tác động của các công cụ trong tương lai có thể được chuyển đổi thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu nên không có dấu hiệu cho thấy lãi suy giảm trên cổ phiếu sẽ nhỏ hơn lãi cơ bản trên cổ phiếu.

27. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Mã số 33 - Tiền thu từ đi vay không bao gồm khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại là 20.386.083.536 VND và khoản phân loại từ dài hạn sang ngắn hạn (đến hạn trả) là 25.551.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

Mã số 34 - Tiền trả nợ gốc vay không bao gồm khoản lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại là 7.801.756.384 VND và khoản phân loại từ dài hạn sang ngắn hạn (đến hạn trả) là 25.551.000.000 VND.

28. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Ban Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính tại ngày 31/12/2024 làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

29. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc		Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Hội đồng quản trị			
Ông Nguyễn Hữu Thành	Chủ tịch	Chưa chi trả	156.472.800
Ông Đinh Việt Hải	Thành viên	Chưa chi trả	117.354.600
Ông Đỗ Minh Hồng	Thành viên	Chưa chi trả	117.354.600
Ông Phan Quang Phú	Thành viên	Chưa chi trả	Chưa chi trả
	(từ ngày 30/6/2023)		
Ông Phạm Thế Long	Thành viên	Chưa chi trả	Chưa chi trả
	(từ ngày 30/6/2023)		
Ông Nguyễn Quang Minh	Thành viên	Chưa chi trả	117.354.600
	(trước ngày 30/6/2023)		
Ban Kiểm soát			
Bà Nguyễn Thị Thanh Hào	Trưởng ban	Chưa chi trả	117.354.600
	(trước ngày 30/6/2023)		
Bà Trần Thị Kim Tuyến	Trưởng ban	Chưa chi trả	78.236.400
	(từ ngày 30/6/2023)		
Ông Nguyễn Đức Nhật	Thành viên	Chưa chi trả	78.236.400
Bà Phạm Thu Hương	Thành viên	Chưa chi trả	Chưa chi trả
	(từ ngày 30/6/2023)		
Ban Giám đốc			
Ông Đỗ Minh Hồng	Giám đốc	521.500.000	545.225.000
Giao dịch với các bên liên quan			
	Mối quan hệ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Công ty CP Vận tải Xăng dầu Vipco			
Mua hàng (cả thuế GTGT đầu vào)	Chủ sở hữu	108.000.000	108.000.000
Trả tiền		108.000.000	1.394.214.822
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex			
Mua hàng (cả thuế GTGT đầu vào)	Chủ sở hữu	1.620.836.910	1.502.644.550
Trả tiền		1.484.862.610	1.845.251.830

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

Giao dịch với các bên liên quan	Mối quan hệ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Công ty TNHH Vipco Hạ Long	Cùng chủ sở hữu		
Mua hàng (cả thuế GTGT đầu vào)		1.017.351.495	1.096.192.939
Trả tiền		950.000.000	8.182.752.692
Công ty TNHH Thuyền viên Vipco	Cùng chủ sở hữu		
Mua hàng (cả thuế GTGT đầu vào)		13.438.694.880	5.706.502.709
Trả tiền		13.436.177.400	5.656.926.179
Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Cùng chủ sở hữu		
Cung cấp dịch vụ		52.601.598.216	48.229.486.745
Thu tiền		51.243.307.916	48.303.086.745
Số dư với các bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải trả người bán			
Công ty CP Vận tải Xăng dầu Vipco	Chủ sở hữu	108.000.000	108.000.000
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex	Chủ sở hữu	369.817.800	233.843.500
Công ty TNHH Vipco Hạ Long	Cùng chủ sở hữu	390.783.923	323.432.428
Công ty TNHH Thuyền viên Vipco	Cùng chủ sở hữu	1.124.621.280	1.122.103.800
Người mua trả tiền trước			
Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	Cùng chủ sở hữu	1.230.635.700	2.588.926.000

30. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty chỉ có một lĩnh vực kinh doanh là dịch vụ vận tải biển và chỉ có một bộ phận địa lý là thành phố Hải Phòng, không có đơn vị trực thuộc tại các địa phương khác. Do vậy, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

31. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục cho dù kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 của Công ty lỗ 50.147.764.156 VND và lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2024 là 212.313.611.047 VND (vượt quá vốn góp của chủ sở hữu 60.646.811.340 VND). Tại ngày 31/12/2024, số dư nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 21.989.498.388 VND. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào sự thành công của các cuộc thương thảo giữa Ban Giám đốc Công ty với các ngân hàng về việc tiếp tục cung cấp các khoản vay, cũng như tìm kiếm sự hỗ trợ tài chính từ các chủ sở hữu nhằm giúp Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả đến hạn và duy trì sự hoạt động liên tục của Công ty.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Ban Giám đốc Công ty tin rằng ngân hàng và chủ sở hữu sẽ tiếp tục cung cấp các khoản vay và sự hỗ trợ tài chính. Do đó, báo cáo tài chính này không bao gồm các khoản điều chỉnh cần thiết liên quan tới việc phân loại lại giá trị tài sản, nợ phải trả trong trường hợp Công ty không có khả năng tiếp tục hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt và được trình bày lại cho phù hợp với số liệu của năm hiện hành.

Người lập biểu - Phụ trách kế toán



Vũ Thị Hà

Hải Phòng, ngày 03 tháng 3 năm 2025

Giám đốc



Đỗ Minh Hồng

